TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v *"tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền: Bà Hoàng Thị Huyến.

Ngày 27 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Vĩnh Q - sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản khai và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn ông Bùi Vĩnh Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Vĩnh Q và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm năm 1991, có tổ chức đám cưới, có đăng ký ký kết hôn tại UBND xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh Pc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay cãi nhau, không khí gia đình không vui vẻ, không hạnh Pc. Ông Q và bà T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, nay ông Q cảm thấy không còn

tình cảm gì với bà T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Q được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông Bùi Vĩnh Q và bà Nguyễn Thị T có 03 người con chung tên Bùi Thị Thúy A, sinh năm 1992; Bùi Vĩnh P, sinh năm 1994 và Bùi Thị Kim P1, sinh năm 2002. Hiện nay cả 03 con chung của vợ chồng đã thành niên, phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị T trình bày: Về quá trình chung sống vợ chồng như lời trình bày của ông Q là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2019 ông Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sau đó ông Q đã bỏ nhà đi từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 âm lịch. Hiện tại do còn thương ông Q nên bà T không đồng ý ly hôn với ông Q.

Tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án, kết quả xác minh bà Nguyễn Thi T, sinh năm 1972 có hộ khẩu thường trú tại tổ B, khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện nay bà T vẫn sinh sống ở địa chỉ nêu trên cùng với các con. Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự cho bà Nguyễn Thị T tuy nhiên bà T không có mặt theo thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Vĩnh Q.

Về con chung: Không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Bùi Vĩnh Q và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại

thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị T đến phiên tòa nhưng bà T vắng mặt không có lý do; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, ông Bùi Vĩnh Q và bà Nguyễn Thị T chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1992 có tổ chức đám cưới và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, tuy nhiên bà T vắng mặt không có lý do, có thái độ trốn tránh, không có thiện chí hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù vẫn thường xuyên sinh sống tại địa phương chứng tỏ bà T đã bỏ mặc không quan tâm gì đến quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà T.

Từ những lời khai của nguyên đơn và bị đơn, xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông Q và bà T là có thật và không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của ông Q là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q.

Về con chung: Ông Bùi Vĩnh Q và bà Nguyễn Thị T có 03 người con chung tên Bùi Thị Thúy A, sinh năm 1992; Bùi Vĩnh P, sinh năm 1994 và Bùi Thị Kim P1, sinh năm 2002. Hiện nay cả 03 con chung của vợ chồng đã thành niên, phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, các đương sự cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Bùi Vĩnh Q phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Bùi Vĩnh Q; Ông Bùi Vĩnh Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về con chung: Không xem xét.

4. Về án phí*:* Ông Bùi Vĩnh Q phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008735, ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền; ông Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho ông Bùi Vĩnh Q biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-9-2022). Riêng bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự Pc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND xã Long Đức, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thu Hiền